

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN THÀNH
TỈNH BẮC NINH**

Bản án số: 02/2020/DS - ST.

Ngày: 30/6/2020.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN THÀNH**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Huy Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Dũng và bà Nguyễn Thị Kim Dung.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Thuận Thành.

Đại diện VKSND huyện Thuận Thành tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuận Thành mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thụ lý số: 13/2020/TLST- DS ngày 24/02/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020 QĐXXST - DS ngày 10/6/2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị Nguyệt Q, sinh năm 1974. (Có mặt).
ĐKKH: Thôn Khương T, xã Thanh K, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.
Hiện trú tại: Phố Tam A, xã Gia Đ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1971.(Có mặt).
Địa chỉ: Phố Tam A, xã Gia Đ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai tại Tòa án nguyên đơn chị Q trình bày như sau:

Do có quan hệ hàng xóm, cùng phố với chị Phạm Thị L nên chị L đã nhiều lần hỏi vay tiền tôi (Q) để làm ăn. Năm 2015 chị L có vay tiền của tôi theo 03 giấy nhận nợ như sau: Ngày 28/03/2015 chị L vay tôi số tiền: 30.000.000 đồng, ngày 24/3/2015 chị L vay tôi số tiền: 10.000.000 đồng và ngày 31/3/2015 chị L vay tôi số tiền: 10.000.000 đồng. Tổng 03 lần chị L vay tôi số tiền là: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng chẵn) chị L đều viết giấy biên nhận ngày vay là ngày dương lịch và thỏa thuận lãi suất là: 1,2%/tháng, hai bên thỏa thuận miệng khi nào tôi (Q) cần tiền thì báo trước cho chị L trước 15 ngày chị L có trách nhiệm thanh toán trả. Kể từ khi cho vay hàng tháng chị L vẫn trả tôi số tiền lãi đến hết năm

2015, từ năm 2016 đến nay chị L không trả tôi đồng tiền lãi nào. Ngày 28/11/2016 (Dương lịch) chị L đã trả cho tôi được 9.000.000 đồng và ngày 05/12/2016 (Dương lịch) chị L đã trả tiếp cho tôi được 9.000.000 đồng nữa, tổng cộng 2 lần chị L đã trả cho tôi số tiền là: 18.000.000 đồng và tôi xác định đây là số tiền nợ gốc chị L trả. Nay tôi xác định chị L còn nợ tôi số tiền gốc là: 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng), cũng từ năm 2016 cho đến nay chị L không thanh toán trả tôi đồng tiền lãi và số tiền gốc nào mặc dù tôi đã nhắc nhở đòi nhiều lần nhưng chị L không trả. Nay tôi đề nghị Tòa án xem xét buộc chị Phạm Thị L phải trả tôi số tiền gốc là: **32.000.000** đồng và số tiền lãi tính theo lãi suất 1,2%/tháng từ ngày 01/1/2016 tạm tính đến hết ngày 19/5/2020 với số tiền là: **22.536.000** đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là **54.536.000** đồng (Năm mươi tư triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn). Nay chị yêu cầu Tòa án xem xét buộc chị Phạm Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán trả chị toàn bộ số tiền trên.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải tại Tòa án phía bị đơn chị Phạm Thị L trình bày: Tôi (L) xác nhận trong năm 2015 có vay của chị Q tổng số tiền là: 50.000.000 đồng vay làm 03 lần theo các giấy biên nhận, lãi suất thỏa thuận là 1,2%/ tháng. Trong quá trình vay hàng tháng tôi đã trả cho chị Q được tiền lãi đến hết tháng 9/2016. Khi trả lãi hai bên không viết giấy tờ và không ký nhận gì và trong năm 2016 tôi trả chị Q 02 lần được: 18.000.000 đồng tiền gốc. Từ tháng 10/2016 đến nay tôi chưa thanh toán trả cho chị Q số tiền lãi. Nay tôi xác nhận còn nợ chị Q số tiền gốc là: 32.000.000 đồng và số tiền lãi từ tháng 10/2016 đến nay. Tuy nhiên nay tôi chỉ nhất trí trả chị Q theo mức lãi suất của Ngân hàng là 0,5 %/tháng và tôi đề nghị được trả cho chị Q mỗi tháng 500.000 đồng tiền gốc vào ngày 20 hàng tháng, số tiền lãi khi nào làm ăn được tôi sẽ trả chị Q sau.

Tại phiên tòa hôm nay chị Dương Thị Nguyệt Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu chị Phạm Thị L phải thanh toán trả chị toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi đến nay là: 55.112.000 đồng trong đó tiền gốc là: 32.000.000 đồng và tiền lãi là: 23.112.000 đồng.

Cũng tại phiên tòa hôm nay chị Phạm Thị L không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn về phần tính lãi suất vì chị cho rằng chị đã thanh toán lãi cho chị Q đến hết tháng 09/2016 trên số tiền nợ gốc là: 32.000.000 đồng nay chị chỉ nhất trí trả cho chị Q theo lãi suất là 0,5%/tháng và tính lãi từ tháng 10/2016 cho tới nay và chị xin được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng được trừ dần vào tiền nợ gốc còn số lãi khi nào trả hết được gốc thì chị sẽ trả lãi, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và thời hạn theo quy định của pháp luật. Việc ra các văn bản tố tụng cũng như các thủ tục tố tụng tại phiên tòa, Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng các Điều 26, Điều 35; Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Nguyệt Q. Buộc chị Phạm Thị L phải có nghĩa vụ trả cho chị Dương Thị Nguyệt Q tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 30/6/2020 là 50.933.000 đồng trong đó số tiền nợ gốc là: 32.000.000 đồng, số tiền lãi là: 18.933.000 đồng (làm tròn số).

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Dương Thị Nguyệt Q và chị Phạm Thị L các bên có xác lập hợp giấy vay tiền thể hiện vào các ngày 28/03/2015, ngày 24/3/2015 và ngày 31/3/2015 có số tiền cụ thể và thỏa thuận lãi suất là 1,2%/tháng. Quá trình thực hiện phía chị L vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Chị Q đã khởi kiện ra tòa nên cần xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Thời điểm các bên xác lập quan hệ vào năm 2015; Giao dịch các bên vẫn đang được thực hiện do bên có nghĩa vụ chưa thực hiện xong nghĩa vụ dân sự; Về nội dung và hình thức giao dịch phù hợp với quy định của pháp luật dân sự hiện hành, nên cần áp dụng quy định của bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện; Lời trình bày của chị Q tại phiên tòa hôm nay chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc chị L phải có nghĩa vụ trả cho chị số tiền tổng cả gốc và lãi là: 55.112.000 đồng trong đó tiền gốc là: 32.000.000 đồng và tiền lãi là: 23.112.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 28/1/2015; ngày 05/2/2015 và ngày 12/2/2015 tính theo ngày dương lịch, giữa chị Dương Thị Nguyệt Q và chị Phạm Thị L có xác lập giấy vay tiền nội dung trong các ngày là “Chị L có vay của em Q số tiền là”. Khi viết giấy vay tiền do chị L viết ký nhận thể hiện cụ thể số tiền vay và có thể hiện lãi suất tính từ thời điểm vay. Tại thời điểm vay chị L có đủ năng lực hành vi dân sự, không bị ép buộc, trong giấy

vay tiền có thỏa thuận lãi suất nhưng không thể hiện ngày trả gốc. Quá trình thực hiện đến đầu năm 2016 chị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, chị Q đã nhiều lần đòi nhưng chị L không thực hiện nghĩa vụ do đó chị Q khởi kiện đến Toà án đề nghị Toà án xem xét giải quyết; xét yêu cầu của chị Q là phù hợp pháp luật nên cần được chấp nhận. Tại phiên toà hôm nay chị Q và chị L đều thừa nhận ngày 28/11/2016 (Dương lịch) và ngày 05/12/2016 (Dương lịch) chị L đã trả cho chị mỗi lần là: 9.000.000 đồng là số tiền gốc và kể từ ngày 01/01/2016 cho đến ngày 28/11/2016 chị L chưa trả lãi cho chị trên số tiền gốc: 50.000.000 đồng và số tiền lãi từ ngày 05/12/2016 cho tới ngày hôm nay (30/6/2020) số tiền lãi trên nợ gốc là: 32.000.000 đồng; nay chị Q đề nghị chị L phải trả tổng số tiền lãi là: 23.112.000 đồng. Xét yêu cầu về số lãi Hội đồng xét xử xét thấy; do chị L và chị Q tại phiên toà không thỏa thuận được về lãi suất tuy nhiên căn cứ vào các giấy nhận nợ các bên thỏa thuận lãi suất là 1,2%/tháng mức lãi suất này không vi phạm pháp luật do vậy căn cứ vào thỏa thuận về lãi suất của các bên trong giấy nhận nợ thì cần tính lãi suất trên năm là 14,4%/năm là phù hợp cần chấp nhận cụ thể như sau:

- Từ ngày 01/1/2016 đến ngày 27/11/2016 trên số tiền nợ gốc: 50.000.000 thì số tiền lãi là: $(50.000.000 \times 14,4\% \times 332 \text{ ngày}) : 365 \text{ ngày} = 6.549.000 \text{ đồng}$. (đã làm tròn số).

- Từ ngày 28/11/2016 đến 30/6/2020 trên số tiền nợ gốc: 32.000.000 đồng thì số tiền lãi là: $(32.000.000 \times 14,4\% \times 1281 \text{ ngày}) : 365 \text{ ngày} = 16.172.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn số).

Tổng số tiền lãi là: 22.721.000 đồng (đã làm tròn số). Như vậy tổng số tiền cả gốc và lãi cần buộc chị L phải có nghĩa vụ trả cho chị Q là: 54.721.000 đồng (đã làm tròn số); trong đó nợ gốc là: 32.000.000 đồng, tổng lãi là: 22.721.000 đồng (đã làm tròn số).

Đối với yêu cầu của chị Q buộc chị L phải trả cho chị tổng số tiền cả gốc và lãi là: 55.112.000 đồng đối với yêu cầu này HĐXX chỉ chấp nhận một phần yêu cầu cần buộc chị L phải trả cho chị Q tổng số tiền cả gốc và lãi là: 54.721.000 đồng (đã làm tròn số) đối với số tiền không được chấp nhận là: 391.000 đồng cần buộc chị Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu của chị L tại phiên toà hôm nay chị cho rằng chị đã thanh toán cho chị Q toàn bộ tiền lãi xuất đến hết năm 2016 và nay chị chỉ chấp nhận trả cho chị Q số tiền gốc là: 32.000.000 đồng trên lãi xuất 0,5% bắt đầu tính từ ngày 01/1/2017 cho tới nay và được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng vào tiền gốc còn lãi tính sau; Xét yêu cầu này của chị L thì thấy căn cứ vào giấy biên nhận nợ, căn cứ vào quá trình thu thập chứng cứ, kết quả tranh tụng tại phiên toà hôm nay căn cứ Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử xét thấy đối với yêu cầu này của chị L không có căn cứ chấp nhận.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26, 35, Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Nguyệt Q.

2. Buộc chị Phạm Thị L phải có nghĩa vụ trả cho chị Dương Thị Nguyệt Q tổng số tiền là: 50.933.000 đồng trong đó gốc là: 32.000.000 đồng, tiền lãi tính tròn số là: 18.933.000 đồng.

Kể từ ngày bản án phát sinh hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng phải chịu một khoản lãi của số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Buộc chị Phạm Thị L phải chịu 2.736.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (đã làm tròn số). chị Dương Thị Nguyệt Q phải chịu số tiền: 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Q đã nộp 1.390.000 tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003399 ngày 24/2/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Thành.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- Toà án tỉnh BN;
- VKSND huyện Thuận Thành;
- THA huyện Thuận Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Huy Tuấn